

Thuốc lá sợi tẩu

Pipe fine-cut tobacco

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho thuốc lá sợi hút bằng tẩu, không áp dụng cho thuốc lá sợi dùng để sản xuất thuốc lá điếu.

2 Tiêu chuẩn viện dẫn

TCVN 6675 : 2000 Thuốc lá – Xác định độ ẩm sợi.

TCVN 6671 : 2000 Thuốc lá điếu – Xác định hàm lượng bụi.

TCVN 5076 : 2001 (ISO 2817 : 2001) Thuốc lá điếu – Xác định hàm lượng silic dioxit.

TCVN 6938 : 2001 (CORESTA 43) Thuốc lá sợi – Lấy mẫu.

TCVN 5078 : 2001 (ISO 3402 : 1999) Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá – Môi trường bảo ôn và thử nghiệm.

3 Định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này áp dụng các định nghĩa sau:

3.1 Thuốc lá sợi tẩu (Pipe fine-cut tobacco): Là thuốc lá sợi được sản xuất từ các loại nguyên liệu của cây thuốc lá thuộc chủng *Nicotinana tabacum* L., có bổ sung chất phụ gia, qua quá trình chế biến tạo thành hỗn hợp sợi được sử dụng để hút bằng tẩu.

3.2 Cọng (Stem) : Là gân lá thuốc lá có bề dày lớn hơn 1,3 mm còn sót lại trong hỗn hợp sợi thành phẩm.

3.3 **Bụi (Dust)** : Là hạt vật chất có kích thước nhỏ hơn 0,25 mm còn sót lại trong hỗn hợp sợi thành phẩm.

4 Yêu cầu kỹ thuật

4.1 **Nguyên liệu dùng để sản xuất thuốc lá sợi tẩu**: Các loại thuốc lá vàng Virginia, thuốc lá nâu (Sun - cured); thuốc lá Burley; thuốc lá tằm, thuốc lá oriental.

4.2 **Phụ gia**: Loại phụ gia dùng cho thuốc lá, theo qui định của cơ quan có thẩm quyền.

4.3 **Các chỉ tiêu cảm quan của thuốc lá sợi tẩu**, phù hợp với các yêu cầu sau :

- Mùi, vị, độ nặng: đặc trưng cho từng sản phẩm.
- Độ cháy: cháy tốt

4.4 **Các chỉ tiêu lý - hoá của thuốc lá sợi tẩu**, được qui định trong bảng 1.

Bảng 1 – Các chỉ tiêu lý - hoá của thuốc lá sợi tẩu

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Chiều rộng sợi thuốc, mm, không nhỏ hơn	1,3
2. Độ ẩm sợi thuốc, %	13 - 15
3. Tỷ lệ bụi, %, không lớn hơn	1,8
4. Tỷ lệ cọng, %, không lớn hơn	2,0
5. Tạp chất vô cơ (silic dioxit), %, không lớn hơn	1,0

4.5 **Các chỉ tiêu vệ sinh của thuốc lá tẩu**. Theo qui định của cơ quan có thẩm quyền.

5 Phương pháp thử

5.1 **Lấy mẫu** theo TCVN 6938 : 2001 (CORESTA 43).

5.2 **Xác định độ ẩm sợi**, theo TCVN 6675 : 2000.

5.3 **Xác định hàm lượng bụi trong sợi**, theo TCVN 6671 : 2000

5.4 **Xác định tạp chất vô cơ (silic dioxit)**, theo TCVN 5076 : 2001 (ISO 2817 : 1999).

5.5 Xác định chiều rộng sợi thuốc

5.5.1 Chuẩn bị mẫu thử

Lấy phần mẫu thử cần thiết theo 5.1. Bảo ôn phần mẫu thử theo TCVN 5078 : 2001 (ISO 3402 : 1999).

5.5.2 Dụng cụ

- Kính lúp có độ phóng đại 10 lần;
- Thước có độ chia vạch đến 0,1 mm.

5.5.3 Cách tiến hành

Từ phần mẫu thử đã được bảo ôn (5.5.1), lấy ngẫu nhiên 10 sợi thuốc. Trải phẳng các sợi, dùng thước cùng với kính phóng đại đo chiều rộng của 10 sợi thuốc với sai số không quá 0,1 mm. Lấy kết quả trung bình của 10 lần đo, làm tròn đến một chữ số sau dấu phẩy.

5.6 Xác định tỉ lệ cọng

5.6.1 Chuẩn bị mẫu thử

Lấy phần mẫu thử cần thiết theo 5.1. Bảo ôn phần mẫu thử theo TCVN 5078 : 2001 (ISO 3402 : 1999).

5.6.2 Dụng cụ

- Cân có độ chính xác đến 0,01 g;
- Kẹp;

5.6.3 Cách tiến hành

Từ phần mẫu thử đã được bảo ôn (5.6.1), cân khoảng 50 gam sợi thuốc chính xác đến 0,01 g, m_1 ; dùng kẹp nhặt tất cả những cọng có bề dày lớn hơn hoặc bằng 1,3 mm còn lẫn trong sợi, cân khối lượng cọng thu được, m_2 .

5.6.4 Tính và biểu thị kết quả

5.6.4.1 Tỷ lệ cọng trong sợi, X , tính bằng phần trăm (%), theo công thức:

$$X = \frac{m_2}{m_1} \times 100\%$$

trong đó

m_1 là khối lượng cọng thu được, tính bằng gam;

m là khối lượng phần mẫu thử, tính bằng gam;

Chênh lệch giữa hai lần xác định không được vượt quá 0,3%.

5.6.4.2 Biểu thị kết quả

Biểu thị kết quả bằng phần trăm khối lượng.

6 Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản

6.1 Bao gói : Thuốc lá sợi tẩu được bao gói bằng các loại vật liệu thích hợp như : giấy nhôm, bao PE hộp kim loại...

6.2 Ghi nhãn : Theo qui định hiện hành.

6.3 Vận chuyển : Phương tiện vận chuyển thuốc lá sợi tẩu phải khô ráo, sạch, không có mùi lạ không được vận chuyển chung với các sản phẩm khác. Khi bốc dỡ thuốc phải nhẹ nhàng, tránh làm hư hỏng thuốc.

6.4 Bảo quản : Thuốc lá sợi tẩu được bảo quản nơi khô, sạch, không có mùi lạ. Các kiện thuốc phải đặt trên các kệ, bục cách mặt nền 20 cm, cách tường 50 cm. Nên bảo quản thuốc lá sợi tẩu trong khí mát có nhiệt độ 20°C - 24°C, độ ẩm tương đối của không khí 60% - 70% .

Phụ lục

(tham khảo)

Tài liệu tham khảo

[1] T/OCT 7823 - 82 Thuốc lá tẩu . Yêu cầu kỹ thuật
